

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016;
Căn cứ Điều 9, 14, 15, 16, 88, 89, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “*Không công nhận vợ chồng - Xác định cha cho con - Tranh chấp nuôi con chung*”.

XÉT THẤY

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Xu C**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Lô H V, C, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Chung cư M, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh ngày 04/11/2020 và **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh ngày 04/11/2020.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Xu C và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

- Về xác định cha cho con:

- Căn cứ vào kết quả xét nghiệm giám định AND ngày 26/8/2024 của Viện sinh học phân tử LOCI tại địa chỉ lầu E, E P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định ông Xu C là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 04/11/2020 theo giấy khai sinh số 266 ngày 16/7/2021 và cháu Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 04/11/2020 theo giấy khai sinh số 267 ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục hộ tịch cho Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 04/11/2020 và Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 04/11/2020 theo quy định pháp luật.

Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ P và Nguyễn Thị Mỹ A cho ông Xu C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Xu C và bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Xu C và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có nợ chung.

- *Án phí Hôn nhân và gia đình:* 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) ông Xu C tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Xu C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002815 ngày 12 tháng 8 năm 2024.

- *Án phí xác định cha cho con:* Ông Xu C được miễn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (ông Xu C có đơn xin miễn án phí).

- Chi phí giám định AND ông Xu C phải chịu và ông Xu C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S, thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung

